

TUẦN 2 . (13/9-18/9/2021)

BÀI 1

LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH (tiếp theo)

Tiết 5,6. Văn bản 2: SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

I.TÌM HIỂU CHUNG

1. Thể loại: Truyện “*Sự tích Hồ Gươm*” thuộc thể loại truyền thuyết địa danh: Loại truyền thuyết giải thích nguồn gốc lịch sử của một địa danh.

2. Đọc- kể tóm tắt

- Ngôi kể: ngôi thứ ba (Người kể giấu mình, gọi tên nhân vật).
- PTBĐ: Tự sự.

3. Bố cục: 2 phần

- P1: Từ đầu đến *đất nước*: Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.
- P2: Còn lại: Long Quân đòi lại gươm thần.
- PTBĐ: Tự sự.

- Ngôi kể: Ngôi thứ ba.

II.TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Long Quân cho mượn gươm

a/ Bối cảnh cho mượn gươm

- Thời gian: Thế kỉ XV, đất nước ta bị giặc Minh đô hộ
- Nhân dân khổ cực làm than
- Nghĩa quân Lam Sơn còn yếu nên nhiều lần bị thua

b/ Cách cho mượn gươm

- Lê Thận 3 lần đều kéo lưới được 1 lưỡi gươm (Dưới nước)
- Lê Lợi chạy giặc bắt được chuôi gươm (Trên rừng)
- Nhận gươm không dễ dàng, có thử thách.
- Kết hợp miền ngược với miền xuôi mới tạo ra sức mạnh.
- Gươm có chữ “Thuận thiên” → Cuộc khởi nghĩa chính nghĩa; hợp ý trời, lòng dân; được thần linh ủng hộ.

c/ Gươm thần tỏa sáng

- Nghĩa quân trước khi có gươm:
 - + Non yếu
 - + Trốn tránh
 - + Ăn uống khổ sở
- Bị động và yếu thế
- Nghĩa quân sau khi có gươm:
 - + Nhuệ khí tăng tiến
 - + Xông xáo tìm địch
 - + Đầy đủ, chiếm được các kho lương của địch
- Chủ động và lớn mạnh
- Ca ngợi sức mạnh vô địch của tinh thần yêu nước; ý chí chiến đấu của nghĩa quân, của khối đại đoàn kết toàn dân.

2. Long Quân đòi lại gươm

a/ Bối cảnh trả gươm

- Chiến tranh kết thúc, đất nước hoà bình.

- Lê Lợi lên làm vua, dời đô về Thăng Long

b/ Quá trình trả gươm

- Rùa Vàng đến xin lại gươm thần
- Nhà vua không hề đắn đo mà sẵn sàng trao trả gươm
- Thể hiện ước vọng hòa bình của dân tộc ta.
- Lời nhắc nhở, cảnh báo đối với những kẻ thù còn đang lăm le xâm lược nước ta

c/ Kết thúc truyện

- Ánh sáng le lói phản lại trên mặt hồ
- Ánh hào quang, niềm tự hào về chiến công oanh liệt trong sự nghiệp đánh giặc cứu nước.
- Cảnh đẹp, kì ảo và thiêng liêng.
- Hồ Tả Vọng đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm.
- Ý nghĩa tượng trưng cho hồn thiêng của sông núi, tổ tiên, sức mạnh của chính nghĩa, của nhân dân.

*** Ý nghĩa nhan đề**

- Nhan đề “Sự tích Hồ Gươm” gắn với việc trả gươm của Lê Lợi
- Tên truyện và cách kể, giải thích về sự tích đổi tên Tả Vọng thành Hồ Gươm rất sâu sắc, thể hiện sự tự hào truyền thống, lịch sử dân tộc

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật

- Xây dựng chi tiết kì ảo, tăng sức hấp dẫn cho truyện.
- Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động.

2. Nội dung

- Truyện giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm.
- Ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo đã chiến thắng vẻ vang.

3. Ý nghĩa:

Truyện khẳng định ý nguyện đoàn kết, khát vọng hòa bình của dân tộc ta.

IV. LUYỆN TẬP

BÀI TẬP 1.

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) kể lại một sự việc trong truyện “ Sự tích Hồ Gươm” bằng lời của một nhân vật do em tự chọn.

BÀI TẬP 2.

Kể lại truyện Sự tích Hồ Gươm .

TUẦN 2.

Tiết 7.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

Văn bản: HỘI THỎI CƠM THI Ở ĐỒNG VÂN

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Đọc và tìm hiểu chú thích (SGK)

2) Tìm hiểu chung

a) *Thể loại:* Thuyết minh

b) *Bố cục:* 3 phần

- Từ đầu cho đến trong làng: Giới thiệu về Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân.
- Tiếp đến lao động mệt nhọc: Những nét tiêu biểu của hội thổi cơm thi.
- Còn lại: Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân mang giá trị văn hóa lịch sử.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1. Giới thiệu về hội thổi cơm thi ở Đồng Vân

a) Nguồn gốc: được bắt nguồn từ các cuộc trảy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa.

b) Mục đích: góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hóa hiện đại hôm nay.

2. Những nét tiêu biểu về hội thổi cơm thi ở Đồng Vân

Tường thuật diễn biến của hội thi

STT	Các công đoạn	Quy định (luật lệ cuộc thi)
1	Lấy lửa Chuyển lửa Nhóm lửa	- trên ngọn cây chuối. - châm que diêm vào hương cháy thành ngọn lửa. - châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc.
2	Chế biến gạo	xay, giã, giần, sàng từ lúa thành gạo trắng.
3	Đun nấu làm chín cơm	nồi cơm được treo dưới những cành cong, tay cầm cần, tay cầm đuốc.
4	Thời gian	trong khoảng một giờ rưỡi
5	Chất lượng	gạo trắng, cơm dẻo, không cháy.

- Hội thi: có ý nghĩa văn hóa, giải trí, rèn luyện sức khỏe cho con người.

- Vẻ đẹp của con người VN: khỏe mạnh, khéo léo, sáng tạo; đoàn kết, phối hợp trong nhóm; ứng biến nhanh, ý thức cộng đồng.

3. Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân mang giá trị văn hóa lịch sử.

- Giúp hiểu thêm về lịch sử, về những lễ hội của cha ông ta lưu truyền qua nhiều thế hệ, nhằm tôn vinh những nét đẹp của văn hóa dân tộc, của nghề trồng lúa nước.

- Hai văn bản Thánh Gióng và Sự tích Hồ Gươm cho thấy nhân dân ta luôn đoàn kết đấu tranh, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược. Điều đó đã trở thành truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân ta từ xưa đến nay.

III. TỔNG KẾT.

1. Nghệ thuật:

Văn thuyết minh, ngôn ngữ chính xác, cô đọng, chặt chẽ và sinh động..

2. Nội dung:

Tường thuật diễn biến của hội thổi cơm thi ở Đồng Vân đồng thời ca ngợi vẻ đẹp con người Việt Nam, nhằm tôn vinh những nét đẹp truyền thống của văn hóa dân tộc.

IV. LUYỆN TẬP.

Em đã được tham gia nhiều lễ hội truyền thống của quê hương. Hãy viết đoạn văn (từ 5 -7 câu) nêu những suy nghĩ của mình về một trong các lễ hội truyền thống đó.

TUẦN 2.

Tiết 8.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Từ đơn và từ phức

a. Khái niệm từ đơn và từ phức.

- Từ đơn là từ có một tiếng. VD: đi, đứng, ông, bà, cha, mẹ....

- Từ phức là từ có hai tiếng trở lên

VD: Các /bác sĩ/ đang/cống hiến/ âm thầm/ lặng lẽ/ để/ bảo vệ/ sức khỏe/ cho/ nhân dân/.

+ Từ ghép: các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa (bác sĩ, cống hiến, bảo vệ...)

+ Từ láy: Các tiếng có quan hệ với nhau về âm (âm thầm, lặng lẽ)

b) Luyện tập (SGK/27,28)

Bài tập 1

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
vùng, dãy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, vồ, vào, ngựa, hí, dài, mấy, tiếng, mặc, cầm, roi, nhảy, lên, mình, ngựa	Chú bé, trắng sỡ, oai phong, vang dội, áo giáp	- lẫm liệt

Bài tập 2

Từ ghép: giã thóc, giàn sàng, bắt đầu, dự thi, nôi cơm, cán cung, dây lưng

Từ láy: nho nhỏ, khéo léo

Bài tập 3: Tạo các từ ghép

- con ngựa, ngựa đực
- ngựa sắt, sắt thép
- kì thi, thi đua
- áo quần, áo giáp, áo dài

Bài tập 4: Tạo các từ láy

- nho nhỏ, nhỏ nhắn
- khoẻ khoắn
- óng ánh (từ láy đặc biệt, vì cùng vắng khuyết phụ âm đầu).
- dẻo dai

Bài tập 5

Nếu thay từ “thoăn thoắt” bằng từ “nhanh chóng” thì chỉ giúp người đọc hình dung được mức độ tham gia hoạt động (ngay lập tức tham gia) của người dự thi, không hình dung được động tác của người dự thi.(nhanh nhẹn).

Bài 6 (SGK/28)

Nếu dùng từ “khéo” thay cho từ “khéo léo” trong câu văn trên thì độ “khéo” sẽ giảm xuống vì từ láy “khéo léo” giúp ta hình dung được sự việc một cách rõ ràng hơn, cho thấy kinh nghiệm và tài năng của các đội thi khi treo những niêu cơm để dự thi.

- LƯU Ý:** Các em chuẩn bị các bài tập còn lại bài tập 7,8,9 tiết sau chúng ta sẽ thực hiện tiếp.

**KẾT THÚC TUẦN 2.
CHÚC CÁC EM HỌC TỐT !**